

Số: 19 /2022/QĐST- HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa:
Nguyên đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Chị Ma Thị C, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T ngày 08 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T ngày 08 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hà Văn T và chị Ma Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Duy K, sinh ngày 27/01/2012 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung T niên (đủ 18 tuổi). Chị Ma Thị C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Hải M, sinh ngày 16/07/2018 và Hà Hải L, sinh ngày 16/7/2018 kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung T niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh Hà Văn T và chị Ma Thị C có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T và chị C tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Hà Văn T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008027 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền